

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-PT

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

“V/v: Tranh chấp lỗi đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Bích Lược.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ

Ông Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn H1 Quân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2022/TLPT-DS ngày 01/11/2022 về việc “Tranh chấp lỗi đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXX-PT ngày 01/12/2022 và Q định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Minh S, Sh năm 1956.

TT: Khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

Người được công Hà Minh S ủy quyền:

1/ Ông Đặng H1 T, Sh năm 1980.

2/ Bà Đoàn Thị H, Sh năm 1980.

TT: Xóm CT, thôn Đ, xã Đa Tồn, huyện L, thành phố N.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, Sh năm 1964.

TT: Khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T1
- Luật sư Văn phòng luật sư Quốc T1 - Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ

TT: SN 1061, đường V, pH S, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H1, Sh năm 1969.

Địa chỉ: Khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

2. Bà Đinh Thị N, Sh năm 1958.

Địa chỉ: Khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

(Ông S, ông T, bà H, ông Q, ông T1, bà H1, bà N có mặt)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải Q tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Hà Minh S và người đại diện theo ủy quyền của ông S là ông Đặng H1 T, bà Đoàn Thị H thống nhất trình bày:

Ngày 15/8/1998, gia đình ông S được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M153033, tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 8a, diện tích 2.520m² (Trong đó có 400m² đất ở và 2.120m² đất vườn), địa chỉ thửa đất tại Khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ. Kể từ thời điểm được cấp đất đến nay gia đình ông S sử dụng và xây nhà cửa cho cả gia đình Sh sống. Theo quy hoạch của cơ quan có thẩm quyền thì đường đi chung của khu và các hộ điểm nối từ đường liên xã (đường nhựa) đi qua các hộ và đi ra đồng. Vị trí từ hộ bà Dương Thị Lâm qua phần đất giáp đất ông Nguyễn Minh P, ông Nguyễn Văn Q, ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Thế Khanh đi ra cánh đồng. Theo quy hoạch thì đường đi chung có chiều rộng là 3m, kéo dài hết cung đường ra đến đồng. Đây là đường đi chung, đi lại Sh hoạt canh tác, sản xuất của khu dân cư và các hộ dân tH xuyên đi lại Sh hoạt hàng ngày. Từ khi được cấp đất, các hộ vẫn sử dụng chung bình tH. Khoảng đến cuối năm 2018 hai anh em nhà anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Minh P đã tự ý xây lấp cánh cổng vào đường đi chung (khi mới xây các hộ vẫn đi lại bình tH không bị ngăn cấm), mới đây ông Nguyễn Văn Q đã dùng khóa để khóa cánh cổng vào, không cho bất kỳ ai qua lại. Tháng 5 năm 2021, ông Q tiếp tục tập kết vật liệu xây tường bao, lấn chiếm hết đường đi chung. Vì vậy ông S đã có đơn gửi tới UBND xã TS để giải Q, đảm bảo đường đi cho gia đình ông và các hộ khác. Việc này đã được UBND xã TS giải Q, yêu cầu ông Q là người trực tiếp xây dựng dừng việc xây dựng lại và tiến hành hòa giải hai lần nhưng không thành. Do hiện nay gia đình ông S không có lối đi lại, đường chung đó là lối đi duy nhất của gia đình ông nên ông S đề nghị Tòa án giải Q buộc hộ ông Q tháo dỡ toàn bộ phần đã xây dựng trái phép, trả lại lối đi chung cho gia đình ông và các hộ dân trong làng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Bố mẹ ông Q là cụ Nguyễn Văn Sỹ và cụ Đinh Thị Sang Sh được năm người con gồm: Nguyễn Xuân Nghi, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thu Nguyệt, Nguyễn Quốc Cường, Nguyễn Minh P. Khi còn sống, bố mẹ ông đã Sh sống tại mảnh đất này từ năm 1964 mà không có tranh chấp gì với ai. Khi đó bố mẹ ông đã để một con đường đi, một đầu nối liền với đường lớn, một đầu ra cánh đồng để gia đình tiện Sh hoạt. Hiện nay hiện trạng mảnh đất của bố mẹ ông đã được chia cho 03 hộ gia đình gồm ông Q, ông Cường và ông P. Khi đó gia đình ông P là người cuối cùng được bố mẹ tặng cho đất trước khi bố ông qua đời. Khi bố ông Q còn sống, năm 1992 ông xây nhà, xây cổng chung tại lối đi này để cho ba bố con tiện Sh hoạt. Lối đi này chỉ dành cho duy nhất 3 hộ gia đình anh em nhà ông, không chung với bất kỳ gia đình hàng xóm nào. Lối đi này là lối đi trong nội bộ khu đất nhà bố mẹ ông và không tranh chấp với bất kỳ ai. Ngay từ khi có lối đi đó, không có bất kỳ chủ trương của thôn, xóm, chính quyền xã cắt phần đất của gia đình ông làm đường liên thôn bởi lẽ không có văn bản, nghị Q nào của các cơ quan chính quyền thôn, xã thể hiện điều này. Gia đình ông cũng không vi phạm

về việc quản lý đất với chính quyền địa P. Vì lối đi đó là lối đi của gia đình anh em nhà ông nên anh em ông Q đã nhiều lần tu sửa, đắp đất, gia đình ông tự chịu kinh phí để cải tạo lối đi này. Hiện nay, xã có chủ trương bê tông hóa đường nông thôn nhưng con đường này của gia đình ông cũng không được đổ bê tông vì đó là đường riêng của gia đình ông. Việc UBND xã lập hồ sơ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Q, ông Cường, ông P mà loại bỏ phần đường đi này ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có dấu hiệu vi phạm pháp luật vì phần đất đó là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, gia đình ông không tặng cho bất cứ ai. Nay ông Q không đồng ý lối đi đó là lối đi chung, đề nghị Tòa án ngăn chặn việc ông S có ý định mở lối đi sang phần đất riêng của gia đình ông và bảo vệ quyền và lợi ích cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Gia đình bà là chủ phần diện tích đất 840m² và phần đất để lối đi chung cho ba anh em ruột của gia đình bà. Phần đất ngõ này là đất của bố mẹ cH1 bà để lại cho ba anh em. Bà H1 không đồng ý với quan điểm của ông S đó là ngõ đi chung. Bà hoàn toàn nhất trí với quan điểm của cH1 bà là ông Q. Đề nghị tòa án xem xét, giải Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị N trình bày: Bà N là vợ của ông Hà Minh S. Nguồn gốc thửa đất hiện nay ông bà đang sử dụng là do bố mẹ ông S khai hoang được. Khi vợ cH1 ông bà lấy Nu thì bố mẹ ông S cho để vợ cH1 bà sử dụng và Sh sống trên mảnh đất đó. Đến năm 1998 thì vợ cH1 bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi sử dụng đến nay ông bà không có tranh chấp gì với ai và vẫn sử dụng lối đi giáp nhà ông Nguyễn Văn Sỹ để đi lại. Sau này ông Sỹ cho anh P (là con ông Sỹ) sử dụng. Thửa đất của nhà ông bà chỉ có một lối đi đó là duy nhất, không có con đường nào khác. Trước đây thỉnh thoảng gia đình bà có đi nhờ đất thổ cư của nhà khác do họ chưa xây tường rào, sau này họ bán cho người khác, họ xây tường rào nên gia đình bà không đi nhờ qua được nữa. Nay bà đề nghị Tòa án giải Q buộc gia đình ông Q phải tháo dỡ tường rào và phần lán xi măng để gia đình bà có lối đi lại, Sh hoạt bình tH.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân (TAND) huyện S đã Q định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 175, Điều 176, Điều 254 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh S đối với ông Nguyễn Văn Q về tranh chấp lối đi.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 phải tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng trái phép trên phần diện tích đất được xác định là lối đi chung theo bản đồ 299 tại khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ gồm:

Tường bao từ điểm A đến điểm B (dài 24,7m, cao 1,43m, bề rộng 3m/1 trụ, 01 trụ cổng 40x40x1,78m).

Phần lảng nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích $20,2m^2$.
(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại khoảng không gian của lối đi chung theo bản đồ địa chính 299 đã quy hoạch và cấm mọi hành vi gây cản trở việc đi lại của các hộ dân có đất liền kề với lối đi này.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2022 ông Nguyễn Văn Q kháng cáo không chấp nhận Q định của bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số:17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân huyện S vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Q và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và những căn cứ kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị tháo dỡ phần lảng nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích $20,2m^2$.

Ông Q và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q nhất trí với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị tháo dỡ phần lảng nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích $20,2m^2$ của ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị tháo dỡ phần lảng nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích $20,2m^2$. Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ Q định về buộc tháo dỡ phần lảng nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích $20,2m^2$. Đình chỉ giải Q đối với yêu cầu khởi kiện xin rút của ông S.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
(Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q là nguyên đơn trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Nội dung kháng cáo trong phạm vi xét xử của bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội dung này theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị tháo dỡ phần lảng nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích $20,2m^2$. Ông Q nhất trí với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông S. Xét thấy, ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông S xin rút.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ông Q kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm

vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không đưa ông P là em trai ông vào tham gia tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông P.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Theo bản đồ địa chính năm 2016 hiện đang lưu trữ tại UBND xã TS xác định vị trí thửa đất hộ ông S và hộ ông Q thể hiện có một con đường chung, con đường này đi qua các thửa đất: thửa số 9 (hộ ông Cường), thửa số 36 (hộ ông P), thửa số 37 (hộ ông Q), thửa số 35 (hộ ông S). Đây cũng là con đường duy nhất vào các hộ ông P, ông Q, ông S. Theo xác minh một số hộ dân tại khu dân cư và trưởng khu hành chính đều xác nhận con đường hiện đang tranh chấp thực tế là lối đi của các hộ liên quan gần đó, trước đây con đường này là lối mòn, nhỏ đi ra ruộng. Lối đi này trước kia chủ yếu do các hộ bà Dương Thị Lâm, ông Nguyễn Minh P và ông Nguyễn Văn Q đi lại, hộ ông S có lối đi ra con đường hiện đang tranh chấp và đây là con đường đi ra duy nhất của hộ ông S. Theo biên bản xác minh tại UBND xã TS xác nhận: Con đường hiện đang tranh chấp là lối đi chung của cả khu dân cư được thể hiện rõ trong bản đồ địa chính, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ liên quan, trong đó giấy chứng nhận của hộ ông Q đã thể hiện rõ đó là con đường đi chung.

Phía ông Q cho rằng toàn bộ diện tích đất lối đi tranh chấp này là đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ ông. Khi bố mẹ ông tặng cho đất cho các anh em ông, bố, mẹ ông để lại lối đi này làm lối đi chung cho 3 anh em nên lối đi này không phải là lối đi chung mà là lối đi riêng của 03 anh em ông. Tuy nhiên, quá trình giải Q vụ án ông Q không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khẳng định diện tích con đường là thuộc quyền sử dụng của bố, mẹ ông trước kia và của 03 anh em ông hiện nay. Tại cấp phúc thẩm bị đơn có nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ là đơn xin xác nhận của một số hộ dân Sh sống cùng khu dân cư với gia đình ông Q trong đó nội dung có trình bày xác định diện tích đất con đường đang tranh chấp là đất của bố, mẹ ông Q. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án cũng có lời khai của một số người làm chứng xác định diện tích con đường tranh chấp là đường đi chung của dân cư. Do vậy, không thể chỉ căn cứ vào các lời khai của một số hộ dân để xác định diện tích đất con đường tranh chấp là đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Q. Các tài liệu, chứng cứ pháp lý có trong hồ sơ vụ án như Bản đồ địa chính, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q và một số hộ dân và các tài liệu, chứng cứ khác đã khẳng định con đường tranh chấp là con đường đi chung của dân cư do UBND xã TS quản lý. Gia đình ông Q xây bức tường trái phép trên con đường đi chung làm cản trở việc đi lại của gia đình ông S là vi phạm pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S buộc gia đình ông Q có trách nhiệm tháo dỡ bức tường trả lại lối đi chung là có căn cứ, đúng pháp luật.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc ngày 15/7/2022 xác định phần diện tích đất tranh chấp là con đường đi chung được nối giữa một đầu là đường tỉnh lộ 317C với một đầu là đường liên xóm. Tại phần con đường tiếp giáp một bên thửa đất của gia đình ông S với một bên thửa đất gia đình ông Q hiện gia đình ông Q có xây một bức tường chắn giữa con đường đi chung làm cản trở việc đi lại của gia đình ông S. Ông S khởi kiện đề nghị ông Q tháo dỡ bức tường để trả lại lối đi chung cho gia đình ông. Hội đồng xét xử nhận

thấy: Bức tường xây chắn giữa con đường là do vợ cH1 ông Q xây, không liên quan gì đến quyền lợi của ông P là em ông Q việc cấp sơ thẩm không đưa ông P vào tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số:17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân huyện S vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về các nội dung cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm: Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 175, Điều 176, Điều 254 của Bộ luật Dân sự để giải Q vụ án là không phù hợp với quan hệ pháp luật tranh chấp, cần áp dụng khoản 1,2,4,10 Điều 12 và khoản 1 Điều 166 Luật đất đai. Trong phần Q định của Bản án tuyên có sơ đồ vẽ kèm theo nhưng bản án lại không có sơ đồ vẽ kèm theo.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông S. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của luật sư không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận

Vì các lý trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Hủy một phần bản án sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S tỉnh Phú Thọ. Đình chỉ giải Q đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị tháo dỡ phần lán nền được xác định các cạnh 2,3,4,5 có diện tích 20,2m².

[2] Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện S tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1,2,4,10 Điều 12, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm; Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh S đối với ông Nguyễn Văn Q về tranh chấp lỗi đi.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 phải tháo dỡ toàn bộ phần xây dựng trái phép trên phần diện tích đất được xác định là lỗi đi chung theo bản đồ 299 tại khu ĐN, xã TS, huyện S, tỉnh Phú Thọ gồm:

Tường bao từ điểm A đến điểm B chiều dài 24,7m, chiều cao 1,43m, bở trụ 3m/1 trụ, 01 trụ cổng 40x40x1,78m (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Buộc ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại khoảng không gian của lối đi chung theo bản đồ địa chính 299 đã quy hoạch và cấm mọi hành vi gây cản trở việc đi lại của các hộ dân có đất liền kề với lối đi này.

[3]. Về chi phí tố tụng: Ông Hà Minh S và đại diện theo ủy quyền là ông Đặng H1 T, bà Đoàn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã chi phí là: 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).

[4]. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Hà Minh S tiền tạm ứng án phí dân sự là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0006728 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Q đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2020/0006936 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án huyện S .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

[6] Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND T.Phú Thọ;
- Chi cục THADS H. S
- TAND H. S
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Điền Thị Bích Lượ

